BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 56/QĐ- ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 04/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2022;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học chính quy đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2022 – lần 2;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2022 – lần 2 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 21/4/2022;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ chính quy cho **293** sinh viên (có danh sách kèm theo), các loại văn bằng như sau:

TT	Văn bằng	Số SV	Hạng tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Bằng Kỹ sư	**230**	10	39	103	78
2	Bằng Bác sĩ thú y	**58**	1	15	39	3
3	Bằng Cử nhân	**5**	0	2	2	1
Tổng cộng		**293**	**11**	**56**	**144**	**82**

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

PGS.TS. Cao Hùng Phi

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: P.ĐT.

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ
HỆ CHÍNH QUY - ĐỢT 1 NĂM 2022 - LẦN 2

(Kèm theo quyết định số: 56/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 25 tháng 4 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I	**Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí**								
1	16008033	Nguyễn Tuấn Kiệt	10/3/1998	An Giang	Nam	Kinh	2.13	Trung bình	
2	16008037	Trịnh Hoàng Linh	29/8/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.40	Trung bình	
3	16008046	Lê Đạt Minh	12/5/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.28	Trung bình	
4	16008068	Nguyễn Văn Thanh	06/7/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.67	Khá	
5	16008112	Mai Đức An	12/01/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.57	Khá	
6	17008012	Trần Thanh Bình	09/02/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.37	Trung bình	
7	17008021	Nguyễn Duy Đa	30/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.26	Giỏi	
8	17008032	Trần Văn Điểm	14/4/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.28	Giỏi	
9	17008039	Nguyễn Khánh Dũng	12/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.52	Khá	
10	17008058	Cao Minh Hải	11/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.16	Trung bình	
11	17008059	Phan Hoàng Hải	23/5/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.48	Trung bình	
12	17008063	Nguyễn Dương Thiện Hào	06/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.14	Trung bình	
13	17008064	Nguyễn Văn Hảo	19/3/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.60	Khá	
14	17008086	Võ Quốc Huỳnh	15/11/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.58	Khá	
15	17008093	Nguyễn Bảo Khang	12/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.61	Khá	
16	17008102	Đỗ Anh Khoa	23/6/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.53	Khá	
17	17008113	Nguyễn Trần Khánh Linh	13/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.29	Trung bình	
18	17008115	Ngô Quang Linh	24/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.42	Trung bình	
19	17008116	Trần Văn Linh	24/4/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.39	Trung bình	
20	17008117	Phạm Hoàng Lis	06/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.48	Trung bình	
21	17008119	Nguyễn Hữu Lộc	21/4/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.41	Trung bình	
22	17008142	Ngô Bình Nguyên	19/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.43	Trung bình	
23	17008163	Lê Minh Phát	10/10/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.56	Khá	
24	17008164	Nguyễn Hoàng Lý Phi	16/8/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.14	Trung bình	
25	17008171	Nguyễn Hồng Phúc	04/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.89	Khá	
26	17008173	Nguyễn Huỳnh Phúc	22/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.64	Khá	
27	17008181	Tăng Đức Quang	05/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.45	Trung bình	
28	17008182	Ôn Phú Quí	10/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.41	Trung bình	
29	17008193	Huỳnh Tấn Tài	17/5/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.42	Trung bình	
30	17008196	Nguyễn Chí Tâm	20/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
31	17008202	Phạm Võ Thiện Tân	25/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.04	Trung bình	
32	17008207	Võ Minh Thành	07/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.70	Khá	
33	17008212	Lê Thanh Thiện	17/11/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.54	Khá	
34	17008223	Dương Vĩnh Thụy	16/8/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.63	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
35	17008234	Nguyễn Khắc Triệu	26/01/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.30	Giỏi	
36	17008242	Nguyễn Hoàng Trung	19/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.29	Trung bình	
37	17008263	Lê Hoàng Vinh	16/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.33	Trung bình	
38	18008093	Nguyễn Thế Nhân	11/5/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.31	Giỏi	
39	18008103	Nguyễn Thanh Phong	22/12/2000	Cà Mau	Nam	Kinh	2.89	Khá	
II	**Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử**								
40	17006008	Nguyễn Minh Đạt	23/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.49	Trung bình	
41	17006011	Trương Quốc Dương	16/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.46	Giỏi	
42	17006014	Nguyễn Phúc Hải	30/8/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.05	Khá	
43	17006016	Bùi Nguyễn Minh Hoàng	29/3/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.55	Giỏi	
44	17006053	Lê Minh Quân	25/5/1999	An Giang	Nam	Kinh	2.17	Trung bình	
45	17006054	Phan Nguyễn Minh Quang	21/9/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.44	Trung bình	
46	17006063	Nguyễn Văn Thịnh	26/6/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.18	Khá	
47	17006064	Võ Minh Thoại	15/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.85	Xuất sắc	
48	17006066	Nguyễn Thành Thông	17/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.91	Khá	
49	17006072	Lê Văn Trí	10/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.61	Khá	
III	**Ngành Công nghệ sinh học**								
50	17014023	Đặng Thị Ngọc Nhi	20/4/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	2.81	Khá	
IV	**Ngành Công nghệ chế tạo máy**								
51	17002001	Huỳnh Thái An	01/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.47	Trung bình	
52	17002010	Trần Đình Huy	29/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.22	Trung bình	
53	17002012	Bùi Lê Vĩ Khang	22/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.41	Trung bình	
54	17002016	Lê Trung Kiên	07/8/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.73	Khá	
55	17002022	Nguyễn Thanh Nhàn	06/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
56	18002004	Nguyễn Thái Bình	16/8/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.01	Khá	
57	18002010	Võ Công Hậu	12/9/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.86	Khá	
58	18002017	Trần Quốc Lâm	07/3/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.08	Khá	
59	18002018	Trần Phúc Nghĩa	30/4/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.16	Khá	
60	18002020	Lâm Minh Nhựt	04/3/2000	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.18	Khá	
61	18002021	Bùi Hoàng Sơn	30/11/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.62	Khá	
62	18002023	Trần Trí Tài	10/6/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.20	Giỏi	
63	18002026	Nguyễn Hữu Thọ	08/6/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.32	Giỏi	
64	18002027	Tô Minh Thường	10/9/2000	Cà Mau	Nam	Kinh	2.98	Khá	
V	**Ngành Công nghệ thực phẩm**								
65	16005105	Tô Bửu Thắng	20/5/1998	Vĩnh Long	Nam	Hoa	3.03	Khá	
66	17005002	Lưu Thị Ái	28/02/1999	Bạc Liêu	Nữ	Kinh	2.57	Khá	
67	17005021	Nguyễn Thị Kim Chi	24/6/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.66	Khá	
68	17005049	Nguyễn Thị Cẩm Duyên	05/5/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.46	Trung bình	
69	17005066	Lê Phước Hưng	15/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.01	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
70	17005067	Nguyễn Thị Thúy Hường	24/02/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.12	Trung bình	
71	17005125	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên	13/8/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.60	Khá	
72	17005126	Trần Minh Nguyên	16/7/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.65	Khá	
73	17005127	Trần Bình Nguyên	16/7/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.63	Khá	
74	17005149	Nguyễn Hữu Nhựt	15/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.17	Trung bình	
75	17005203	Nguyễn Thị Mộng Thúy	05/10/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.25	Trung bình	
VI	**Ngành Công nghệ thông tin**								
76	14004072	Nguyễn Thanh Sang	23/5/1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.07	Khá	
77	15004085	Nguyễn Phong Phú	19/03/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.39	Trung bình	
78	16004047	Võ Thị Kim Ngân	30/08/1998	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.04	Trung bình	
79	16004067	Nguyễn Đình Vương Quốc	11/6/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.84	Khá	
80	16004100	Lê Thành Đạt	13/6/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.08	Trung bình	
81	17004050	Trần Trường Giang	30/5/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	2.02	Trung bình	
82	17004052	Lê Thanh Hải	12/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.33	Trung bình	
83	17004056	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	27/11/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	2.67	Khá	
84	17004057	Lê Nhựt Hào	15/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.10	Trung bình	
85	17004062	Bùi Thanh Hoàng	04/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.66	Xuất sắc	
86	17004083	Nguyễn Quốc Khởi	02/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.24	Trung bình	
87	17004143	Lê Thị Mai Phương	22/9/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.16	Trung bình	
88	17004148	Trần Văn Quý	28/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.24	Trung bình	
89	17004185	Trần Ân Hiếu Thuận	26/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.41	Trung bình	
90	17004214	Trần Minh Trường	15/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.85	Khá	
91	17004217	Nguyễn Nhật Trường	22/6/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.39	Trung bình	
92	17004222	Đoàn Minh Tuấn	24/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.05	Trung bình	
VII	**Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử**								
93	14003060	Lương Tấn Phong	01/7/1995	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.23	Trung bình	
94	16003026	Lê Minh Khá	10/5/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.29	Trung bình	
95	16003037	Huỳnh Văn Bé Luân	02/12/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
96	16003043	Lê Thành Nhân	18/01/1998	Tp HCM	Nam	Kinh	2.51	Khá	
97	16003071	Trần Phú Yên	23/02/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
98	16003073	Nguyễn Hoàng Đỗ Đạt	05/01/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	3.03	Khá	
99	17003013	Nguyễn Khánh Băng	21/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.60	Khá	
100	17003031	Sơn Hải Du	22/12/1998	Cần Thơ	Nam	Khmer	2.69	Khá	
101	17003066	Nguyễn Hoàng Huy	20/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.18	Trung bình	
102	17003077	Trần Gia Khang	22/3/1999	An Giang	Nam	Kinh	2.30	Trung bình	
103	17003078	Nguyễn Chí Khanh	20/8/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.44	Trung bình	
104	17003115	Nguyễn Vạn Nguyên	04/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.40	Trung bình	
105	17003124	Bùi Hoài Phong	27/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.57	Khá	
106	17003132	Lê Hữu Phước	18/02/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.01	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
107	17003195	Nguyễn Công Tước	15/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.46	Giỏi	
108	17003196	Trương Thị Châu Úc	05/11/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.82	Xuất sắc	
109	17003200	Nguyễn Ngọc Vinh	26/7/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.15	Trung bình	
110	18003055	Nguyễn Phúc Huy	10/8/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	
111	18003081	Ngô Bích Nên	04/11/2000	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	3.18	Khá	
112	18003089	Nguyễn Trọng Nhân	27/3/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.93	Khá	
113	18003103	Trần Thanh Phong	14/11/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.35	Giỏi	
114	18003105	Nguyễn Thanh Phong	19/10/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.82	Khá	
115	18003112	Nguyễn Hữu Phước	15/10/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.81	Khá	
116	18003125	Đinh Thanh Sang	24/01/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.23	Giỏi	
117	18003131	Nguyễn Hoàng Tấn	14/7/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.87	Khá	
118	18003132	Lê Văn Tánh	20/7/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	
119	18003139	Trần Ngọc Thiên	21/4/2000	Bạc Liêu	Nam	Kinh	3.07	Khá	
120	18003144	Huỳnh Văn Thình	22/7/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.21	Giỏi	
121	18003145	Nguyễn Quốc Thịnh	04/11/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.03	Khá	
122	18003148	Nguyễn Phi Thông	27/11/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.57	Khá	
123	18003152	Trần Hoàng Thuận	31/7/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
124	18003173	Trương Thị Bội Tuyền	14/3/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.30	Giỏi	
VIII	**Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt**								
125	17013003	Đỗ Phi Dương	27/3/1999	An Giang	Nam	Kinh	2.38	Trung bình	
126	17013016	Lê Trung Nghĩa	01/01/1999	Cà Mau	Nam	Kinh	2.99	Khá	
IX	**Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô**								
127	15001222	Võ Hoàng Hà	10/06/1997	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.24	Trung bình	
128	16001052	Nguyễn Trí Hiếu	14/07/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.89	Khá	
129	16001060	Lâm Hùng	12/11/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.88	Khá	
130	16001074	Phan Văn Hoàng Khải	04/9/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.41	Trung bình	
131	16001100	Nguyễn Tấn Lộc	09/10/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.73	Khá	
132	16001103	Nguyễn Văn Lợi	06/11/1997	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.56	Khá	
133	16001120	Nguyễn Hữu Nghĩa	19/08/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.82	Khá	
134	16001132	Cao Hữu Nhựt	25/01/1998	An Giang	Nam	Kinh	2.74	Khá	
135	16001134	Lê Huy Phát	13/5/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.26	Trung bình	
136	16001152	Phan Văn Quang	18/04/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.36	Giỏi	
137	16001154	Lê Thành Công Quí	21/10/1998	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
138	16001158	Lê Phú Tuấn Sơn	19/10/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.78	Khá	
139	16001207	Nguyễn Phương Uyên	24/5/1998	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	2.94	Khá	
140	17001025	Nguyễn Tuấn Cảnh	20/7/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.65	Khá	
141	17001030	Nguyễn Chí Cường	26/5/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.37	Trung bình	
142	17001037	Nguyễn Tiến Đạt	26/3/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.12	Trung bình	
143	17001038	Trần Thành Đạt	19/10/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.26	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
144	17001039	Trần Quốc Đạt	29/12/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.51	Giỏi	
145	17001054	Danh Lâm Hoàng Duy	07/7/1999	Kiên Giang	Nam	Khmer	2.32	Trung bình	
146	17001056	Mai Phước Hải	21/11/1999	An Giang	Nam	Kinh	2.71	Khá	
147	17001059	Lê Huỳnh Hào	30/11/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.38	Trung bình	
148	17001077	Nguyễn Thanh Khanh	19/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.26	Giỏi	
149	17001091	Lê Quang Linh	02/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.12	Khá	
150	17001115	Đặng Vủ Nghi	27/7/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
151	17001131	Huỳnh Thành Nhơn	11/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.35	Trung bình	
152	17001143	Phước Hồng Phúc	22/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.63	Khá	
153	17001148	Nguyễn Phan Hoàng Phương	24/12/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.93	Khá	
154	17001159	Nguyễn Minh Sáng	01/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.31	Giỏi	
155	17001160	Lê Quang Sơn	03/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.76	Khá	
156	17001161	Huỳnh Tấn Tài	19/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.81	Khá	
157	17001176	Phan Văn Thành	07/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.63	Khá	
158	17001198	Phan Nguyễn Huy Toàn	20/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.89	Khá	
159	17001214	Nguyễn Thanh Tú	11/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.04	Khá	
160	17001224	Nguyễn Các Tường	22/10/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.54	Khá	
161	17001238	Nguyễn Bình Yên	16/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.41	Giỏi	
162	17012007	Nguyễn Công Hưng	23/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.46	Trung bình	
163	17012013	Lê Thanh Nguyễn	01/9/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	2.34	Trung bình	
164	17012015	Hồ Chí Tâm	27/12/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.25	Trung bình	
165	17012016	Nguyễn Duy Tân	31/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.47	Trung bình	
166	17012020	Trương Hoàng Thanh Tín	18/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.23	Trung bình	
167	17012022	Nguyễn Thế Vinh	16/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.16	Trung bình	
168	18001046	Nguyễn Đăng Dũng	02/12/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.70	Khá	
169	18001063	Nguyễn Tô Ni Em	12/3/1998	An Giang	Nam	Kinh	2.88	Khá	
170	18001080	Nguyễn Khánh Hưng	22/11/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.71	Xuất sắc	
171	18001085	Nguyễn Đức Huy	20/11/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.09	Khá	
172	18001086	Đoàn Lê Ngọc Huyền	20/4/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.45	Giỏi	
173	18001087	Trần Huỳnh	18/11/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.81	Khá	
174	18001138	Trần Thị Trúc Ngân	08/01/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.83	Khá	
175	18001149	Trần Thị Thảo Nhân	22/5/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.70	Khá	
176	18001151	Phan Đoàn Thanh Nhân	27/10/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.59	Khá	
177	18001152	Lê Văn Thành Nhân	27/8/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.62	Khá	
178	18001153	Phan Văn Nhật	26/11/2000	Sóc Trăng	Nam	Kinh	2.84	Khá	
179	18001156	Bùi Sĩ Nông	01/4/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
180	18001159	Nguyễn Thị Hồng Phĩ	24/11/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.85	Khá	
181	18001165	Lê Thị Trúc Phương	05/12/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.35	Giỏi	
182	18001169	Nguyễn Văn Anh Quốc	24/6/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.62	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
183	18001178	Trần Văn Sum	16/4/2000	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.70	Xuất sắc	
184	18001182	Lê Nhật Tân	29/8/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
185	18001184	Nguyễn Đức Bảo Tấn	31/8/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.48	Giỏi	
186	18001186	Nguyễn Quốc Thái	29/02/2000	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.71	Khá	
187	18001193	Lê Hữu Thời	07/6/2000	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.65	Xuất sắc	
188	18001202	Trần Văn Tình	04/12/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.96	Khá	
189	18001203	Nguyễn Thái Toàn	11/9/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.09	Khá	
190	18001217	Phan Phú Vinh	06/4/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.74	Khá	
191	18001218	Trần Thanh Vinh	29/02/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.06	Khá	
192	18001272	Trương Công Hào	14/02/2000	An Giang	Nam	Kinh	3.35	Giỏi	
193	18001297	Trần Đăng Khoa	02/01/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.10	Khá	
194	18001313	Trần Văn Luân	28/02/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.49	Trung bình	
195	18001354	Nguyễn Hoài Sơn	20/6/2000	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.70	Khá	
196	18001371	Nguyễn Quốc Thái	27/4/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.79	Khá	
197	18001385	Trương Văn Thịnh	10/12/2000	Kiên Giang	Nam	Hoa	3.58	Giỏi	
198	18001400	Lê Trung Tính	06/3/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.27	Giỏi	
199	18001401	Nguyễn Trung Tính	23/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.67	Khá	
200	18001404	Lê Văn Toàn	20/3/2000	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.88	Khá	
201	18001407	Nguyễn An Toàn	05/3/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.05	Khá	
202	18001433	Nguyễn Đinh Vũ	28/02/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
203	18001452	Hồ Tấn Đạt	19/7/2000	Cà Mau	Nam	Kinh	3.33	Giỏi	
204	18001454	Phạm Minh Đầy	25/10/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.15	Khá	
205	18001475	Bùi Nguyên Hảo	18/10/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.64	Xuất sắc	
206	18001480	Cao Phước Hòa	20/02/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.90	Khá	
207	18001492	Nguyễn Hoàng Khang	20/02/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.90	Khá	
208	18001497	Lê Dĩ Khang	11/6/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.95	Khá	
209	18001505	Nguyễn Hoàng Kiệt	11/5/1999	An Giang	Nam	Kinh	3.28	Giỏi	
210	18001526	Phan Văn Nhựt	23/01/2000	An Giang	Nam	Kinh	3.20	Giỏi	
211	18001540	Nguyễn Văn Tân	24/11/2000	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.04	Khá	
212	18001543	Nguyễn Duy Tân	28/01/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
213	18001554	Nguyễn Thị Kiều Thu	30/5/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.26	Giỏi	
214	18001555	Ngô Công Thuận	29/8/2000	An Giang	Nam	Kinh	3.78	Xuất sắc	
215	18001559	Nguyễn Minh Tới	01/8/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.10	Khá	
216	18001564	Trần Thị Ngọc Trúc	02/9/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.74	Xuất sắc	
217	18001566	Nguyễn Vĩnh Tường	22/01/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.94	Khá	
218	18001568	Cao Nguyễn Tường Vi	15/9/2000	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.71	Xuất sắc	
X	**Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa**								
219	15007040	Nguyễn Thị Kim Phượng	09/7/1997	An Giang	Nữ	Kinh	3.14	Khá	
220	17007001	Đỗ Trần Bình	30/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.22	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
221	17007002	Phan Thanh Bình	29/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.20	Trung bình	
222	17007005	Trần Duy Đăng	04/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.28	Trung bình	
223	17007014	Nguyễn Khánh Duy	24/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.28	Trung bình	
224	17007016	Nguyễn Minh Duy	03/5/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.38	Trung bình	
225	17007019	Nhan Ngọc Anh Hào	21/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.12	Trung bình	
226	17007037	Trần Lê Chí Tài	28/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.23	Trung bình	
227	17007049	Nguyễn Văn Tiến	13/6/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.55	Khá	
228	17007054	Trần Lâm Tú	07/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.75	Khá	
229	17007056	Phạm Thế Vĩ	21/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.36	Trung bình	
230	18007040	Mai Văn Tình	27/3/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	

HIỆU TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG BÁC SĨ THÚ Y
HỆ CHÍNH QUY - ĐỢT 1 NĂM 2022 - LẦN 2

(Kèm theo quyết định số: 56/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 25 tháng 4 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	16010014	Hoàng Tiến Đạt	10/09/1998	Thái Bình	Nam	Kinh	2.7	Khá	
2	16010033	Lê Minh Hiếu	03/01/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.55	Khá	
3	16010116	Hồ Trung Tín	07/04/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.52	Khá	
4	16010129	Trần Thanh Tùng	30/4/1998	Hậu Giang	Nam	Kinh	2.53	Khá	
5	16010138	Lê Trần Hải Vương	12/01/1998	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.33	Trung bình	
6	16010160	Nguyễn Ngọc Trầm	12/3/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.34	Trung bình	
7	17010001	Nguyễn Thị Thúy Ái	30/9/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.77	Khá	
8	17010011	Hồ Quốc Bảo	07/6/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
9	17010015	Nguyễn Chí Cảm	16/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.55	Khá	
10	17010018	Phạm Thành Công	11/7/1998	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.05	Khá	
11	17010048	Ngô Hồng Huế	20/9/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	3.04	Khá	
12	17010052	Lê Bích Huyền	09/5/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	2.85	Khá	
13	17010055	Nguyễn Lưu Tuấn Kha	05/3/1992	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.86	Khá	
14	17010056	Nguyễn Hoàng Khang	11/02/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.02	Khá	
15	17010060	Hồ Trọng Khánh	09/6/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.55	Khá	
16	17010067	Nguyễn Thanh Kiệt	05/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.67	Khá	
17	17010068	Thạch Mai Phú Lâm	03/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Khmer	2.72	Khá	
18	17010069	Mai Thanh Liêm	18/4/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
19	17010070	Nguyễn Thị Tài Linh	10/8/1998	Long An	Nữ	Kinh	3.51	Giỏi	
20	17010071	Huỳnh Nhựt Linh	02/02/1999	Long An	Nam	Kinh	2.56	Khá	
21	17010072	Lê Ngọc Linh	15/02/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	3.35	Giỏi	
22	17010074	Hồ Thị Lợi	27/9/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.08	Khá	
23	17010075	Lê Phước Lợi	30/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.82	Khá	
24	17010076	Nguyễn Vũ Thành Luân	24/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
25	17010077	Thạch Thị Đà Ly	14/6/1999	Vĩnh Long	Nữ	Khmer	2.93	Khá	
26	17010078	Trần Minh Mẫn	20/8/1999	An Giang	Nam	Kinh	2.48	Trung bình	
27	17010079	Nguyễn Thị Trà Mi	19/10/1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	2.74	Khá	
28	17010082	Phan Thị Bé Mơ	05/8/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	2.75	Khá	
29	17010089	Nguyễn Ngọc Ngân	09/9/1999	An Giang	Nữ	Kinh	3.5	Giỏi	
30	17010091	Trần Trọng Nghĩa	28/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.04	Khá	
31	17010095	Đặng Thanh Nguyên	21/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.85	Khá	
32	17010099	Nguyễn Thế Nhanh	28/9/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.65	Khá	
33	17010107	Hà Minh Nhựt	17/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.83	Khá	
34	17010108	Trần Huỳnh Ngọc Nữ	16/6/1998	TP. HCM	Nữ	Kinh	3.6	Xuất sắc	
35	17010113	Nguyễn Văn Phúc	15/7/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
36	17010114	Nguyễn Trọng Phúc	17/6/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.77	Khá	
37	17010115	Nguyễn Hoàng Phúc	20/5/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.79	Khá	
38	17010119	Quách Hoàng Phương	04/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.67	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
39	17010125	Thạch Mắt Ca Ra	27/12/1999	Trà Vinh	Nam	Khmer	3.11	Khá	
40	17010126	Nguyễn Cao Tài	03/10/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.73	Khá	
41	17010132	Trần Hoàng Thắng	31/8/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
42	17010133	Trịnh Phước Thành	07/7/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.72	Khá	
43	17010137	Thạch Thị Kìng The	13/4/1999	Vĩnh Long	Nữ	Khmer	2.58	Khá	
44	17010140	Trần Phạm Chí Thiện	20/5/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.83	Khá	
45	17010145	Huỳnh Hữu Thuận	18/6/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.35	Giỏi	
46	17010148	Lê Xuân Thủy	14/02/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.21	Giỏi	
47	17010150	Nguyễn Thị Kiều Tiên	20/10/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.95	Khá	
48	17010153	Nguyễn Phúc Tiến	13/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.79	Khá	
49	17010158	Lê Quốc Toàn	25/4/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.94	Khá	
50	17010164	Nguyễn Hữu Trung	12/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.51	Khá	
51	17010166	Nguyễn Thị Cẩm Tú	14/12/1998	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.7	Khá	
52	17010169	Trương Ánh Tuyết	31/12/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.28	Giỏi	
53	17010170	Nguyễn Thị Hồng Vân	14/10/1999	Kiên Giang	Nữ	Kinh	3.01	Khá	
54	17010174	Nguyễn Thế Vinh	01/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
55	17010179	Nguyễn Lê Kim Xuyến	08/7/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.53	Giỏi	
56	17010180	Lê Thu Xuyến	25/11/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.35	Giỏi	
57	17010181	Hoàng Thị Hải Yến	31/01/1999	Hưng Yên	Nữ	Kinh	3.22	Giỏi	
58	17010182	Nguyễn Ngọc Kiều Ngân	22/7/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.78	Khá	

HIỆU TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

PGS.TS. Cao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
HỆ CHÍNH QUY - ĐỢT 1 NĂM 2022 - LẦN 2

(Kèm theo quyết định số: 56/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 25 tháng 4 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC TL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	16011015	Huỳnh Thanh Mộng	Công tác xã hội	13/7/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.94	Khá	
2	17011011	Hà Hồng Gấm		11/02/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.11	Khá	
3	17011016	Nguyễn Minh Hoàng		06/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.37	Trung bình	
4	17011037	Phạm Văn Tài		11/01/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.21	Giỏi	
5	17011054	Nguyễn Huỳnh Như Ý		05/10/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.33	Giỏi	

HIỆU TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

PGS.TS. Lao Hùng Phi